

## Một nền Giáo dục Nhân bản?

### NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO

Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, không mấy ai nghĩ: phải đúng theo văn phạm. Thế nhưng, trong tựa đề “NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO”, thiết nghĩ phải nói rõ sự liên quan văn phạm của hai từ kép này: chúng tôi dùng ‘**thầy-giáo**’ làm tĩnh từ để bổ nghĩa cho danh-từ ‘**nhân-bản**’. **Bổ túc cái nghĩa, nhưng là chánh, là chủ đạo.** Chúng tôi không giải trình một nhân bản chung chung, trừu tượng của các triết gia, của các nhà thần học, hay các chuyên gia nghiên cứu về cái chất người. Ngay trong phần đầu, NHÂN BẢN chung chung, cũng ở trong giới hạn tầm nhìn của một thầy giáo, của một thời cụ thể: Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam.

Phần đầu, chỉ là rao, hay đạo. Rao đạo cho quen với ý niệm NHÂN BẢN, rồi mới vào chánh đề: NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO

### Phần Một

#### NHÂN-BẢN

*Nhân bản, 人本, là bản chất con người. Ý nói cái gốc ban đầu, cái tính chất người, cái tinh chất người, thực chất con người.*

- *Nhà Phật dạy: Chân tâm. Người tu Phật tin rằng có một chân tâm hằng tồn, bất biến, bị che lấp; cái màng-vô-minh che lấp là vọng-ngã; vọng ngã mất, vô- minh rơi, chân tâm hiện tiền, kiến tánh—thấy được chân tâm— thì... thành Phật.*
- *Với người theo Đạo Chúa thì Chúa tạo con người theo hình ảnh của Chúa; con người vì ăn trái cấm, mà phải bị đọa xuống trần gian,... Cái tinh chất của con người là trái cấm, trái của sự hiểu biết thiện và ác.*

*Thế nên, nói nhân bản, đi vào nguồn gốc, ta thường lạc vào lãnh vực đức tin, **tín ngưỡng. Tin mà không nghĩ. Không thể nghĩ bàn.***

- *Mạnh Tử viết: “Con người sinh ra vốn là thiện”<sup>1</sup>.*

*Tuân Tử lại bảo: “Con người vốn ác”<sup>2</sup>. Nghĩ cho cùng, nếu bản chất con người đã là thiện thì cần gì phải dạy dỗ. Vì con người vốn ác, nên cần phải giáo dục mới thành*

<sup>1</sup> Nhon chi sơ tánh bản thiện. Wikipedia.

<sup>2</sup> Nhon chi vốn ác. Giản Chi: Tuân Tử.

người tốt? Thầy Mạnh và thầy Tuân, thánh hiền của Nho gia, mà người nói thiên đàng, người bảo địa ngục. Theo ai đây?

- Xưa và nay, vẫn có người than: “Làm người? Khó! Làm người? Khó!”<sup>3</sup> Khó hơn nữa, có lẽ là xác định cái “chất người

*Không là một nhà thần học, không là một triết gia, cũng không là một chuyên viên bản thể học--ontology, cái bản chất rớt ráo của con người nằm ngoài tầm khả năng nghiên cứu của người thầy giáo, và riêng của chúng tôi.*

***Cho nên, để cùng trao đổi trên đề tài “nhân bản”, giới hạn cho học đường, chúng tôi xin thưa trình đôi nét về nội dung cụm từ ‘Nhân- Bản’ như sau đây:***

### **Một : Nhị Nguyên**

**Chữ ‘nhân’**--人--có hai nét: Một nét bên trái (dài), một nét bên phải (ngắn hơn). Nhân gợi ý hai bên: phải và trái.

Ngoài chữ nhân—人—là người, Hán Việt còn một chữ nhân thứ hai, cũng liên quan với con người, đó là: 仁<sup>4</sup>. Thí dụ: Nhân ái<sup>5</sup>. Theo Hán Việt Từ Điển của Cụ Thiệu Chử, thì cái nghĩa đầu tiên của chữ nhân “仁” này là: **Đạo-lý làm người; yêu người**. Chúng ta hiểu “nhân” trong cái nghĩa này: **Đạo lý và tình thương**.

Nhân, 仁, bên trái là bộ nhân (chữ nhân, 人, mà viết ‘đứng’<sup>6</sup>, nghĩa là người), bên mặt là chữ ‘nhị’, 二, nghĩa là hai. **Cái đạo lý làm người, tối thiểu là hai, và thương yêu thì phải tối thiểu cũng phải: hai.**

Ý như muốn nói:

- **Không có con người đơn độc.**

*‘Con ngựa hoang, đơn độc trong rừng vẫn là ngựa. Con người đơn độc từ lúc sơ sinh, không tiếp cận với xã hội loài người, thì không biết tiếng người, ý người, tình người, nên không là người’<sup>7</sup>. Vậy, cá nhân phải ‘thuộc’—hay sống cùng với— một tập-thể người mới là người. Tập thể ấy là gia tộc, bộ tộc, dân tộc, quốc gia,..hay loài người nói chung. Là người, tối thiểu phải là hai: cá thể với cá thể, hoặc cá thể với tập thể, hay nói rộng hơn, cá thể với môi trường; môi trường hàm ý có cả thiên nhiên, vạn vật. Đạo lý làm người nằm trong sự thông lưu qua lại, đối đáp giữa đôi bên. Thương ghét của con người cũng sinh ra từ cái đạo lý giao lưu này.*

<sup>3</sup> Khổng Tử: “Vi nhân nan! vi nhân nan!” (?)

<sup>5</sup> Như trong: "nhân dân ái vật, 仁民愛物. thương dân yêu vật . Hán Việt Từ Điển Trực Tuyến. Internet.

<sup>6</sup> nên cũng thường gọi là ‘nhân-đứng’

<sup>7</sup> Lý chánh Trung (?)

- Nói theo ngôn ngữ Phật gia:

*a/ Con người – cá thể--hiện hữu trong một quan hệ nhân-quả đồng-thời với môi trường sống của nó, tương khắc mà cũng là tương sinh, cái này khác hẳn cái kia, nhưng xác định lẫn nhau. Cái này hiện hữu thì cái kia hiện hữu, cái này mất thì cái kia mất. Cá thể và môi trường, đồng thời hiện hữu và dị biệt.*

*b/ Ngoài ra, còn có quan-hệ nhân-quả dị-thời. Gieo và gặt. Tác động qua lại, trong một khoảng thời gian nhất định, của những con người đồng thời hiện hữu.*

- Thực tế, con người thì có nam có nữ.

Ông Tô loài người, có giới như Bà Nữ Oa, đội đá vá trời, hay như Ông Tề Thiên, đại náo Thiên Cung, cũng không sinh sản được. Phải có Bà Eva, mà chỉ có Bà mà không có Ông..Adam, thì cũng chịu phép không sinh sản được cái giống-người. Và cả hai phải ăn trái kiến thức, trái biết phân biệt thiện ác —the fruit of knowing good from evil<sup>8</sup>. Thế nên mắc tội, bị đọa thành người trần thế. Đó là hình ảnh cái tội tổ tông, mà cũng là phước tội. Nói là phước vì không mang cái tội ấy thì không có loài người, không có chúng ta hôm nay.

**Vậy, nam nữ, phước tội, âm dương là tiên thiên. Trời sanh: làm người thì là như vậy.**

*Nhưng sau đó là hậu thiên, chuyện của con người. Có lắm chuyện. Xin ghi qua đôi điều:*

1. Kinh Thánh cũng có ghi: Không có “free lunch”<sup>9</sup>. Theo đó trong xã hội loài người, mọi sự việc đều có cái giá của nó.
2. **Giá-cả** thì có **mắc rẻ, cao thấp, hời hay không hời,...** dùng trong **thị trường**. Ngoài giá-cả, còn có **giá-trị**.

**Giá trị thuộc lãnh vực tính người, tình người. Thiện ác, tốt xấu, hay dở, thương ghét, nhân và bất-nhân, nghĩa và bất-nghĩa,**

*Nói chung, giá cả và giá trị đều có hai cực âm dương, dị biệt nhưng xác định lẫn nhau, tương khắc, tương sinh. Giữa hai cực và ngoài hai cực, có vô số biến thái đa dạng.*

Vậy, có cả một vùng để chọn giá cả trong thương thảo, hay giá trị trong giao lưu. Vì đó mà chúng ta thường được khuyên: **giữa người với nhau, phải biết cư xử tử tế**. ‘Tử’<sup>10</sup> nói: ‘kỹ lưỡng’, ‘cẩn thận’; ‘tế’<sup>11</sup> nói: tinh vi, tinh tế. **Tử tế** hàm ý: *cẩn trọng, chu đáo, ý thức trách nhiệm, ý thức về quan hệ, về cái đang xảy ra và những hệ quả của nó.*

3. **Thiết nghĩ, với chúng ta, người Việt Nam, cần nhấn mạnh: phải tử tế với thiên nhiên. Việt Nam, rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu, thiên nhiên ưu đãi, nhưng giờ đây, biển**

<sup>8</sup> Genesis 3:5

<sup>9</sup> Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, Sáng Thế Ký. Chương 3: 19.

<sup>10</sup> 仔. Hám Việt Từ Điển Trực tuyến. Internet.

<sup>11</sup> 細. Hám Việt Từ Điển Trực tuyến. Internet

thì có người ngại không muốn tắm, vì dơ bẩn; cá tôm thì nhiễm độc; đất đai thì có nơi hạn hán, có nơi lụt lội, nước mặn tràn vào đồng ruộng; ở thành phố ra đường phải mang khẩu trang,.. Đó là do con người bực đãi thiên nhiên, phá rừng, xây cất bừa bãi, lạm dụng hóa chất, xả rác vô tội vạ...

4. Muốn nói thế nào là sống tử tế, con người tạo nên một thang giá trị, để nói phải trái, chánh tà, thiện ác, thị phi, âm dương hai ngã.

5. Ngày xưa, ‘âm’ được ghi một gạch đứt đoạn: --, ‘dương’ được ghi bằng một gạch liền:— Âm Dương còn được gọi là lưỡng nghi. Lưỡng nghi, chấp chấp hai, sinh tứ tượng<sup>12</sup>, chấp chấp ba, cho bát quái, chấp chấp sáu cho 64 quẻ của Kinh Dịch. Dịch<sup>13</sup> là thay đổi, biến đổi. Vì cuộc sống luôn tự nhiên biến đổi, không ai chắc ở tương lai, nên dùng quẻ Dịch để đoán việc sắp đến, lành dữ, rủi may,... Đó là chuyện của người xưa.

6. Người nay, đọc Kinh Dịch, có khi học quẻ Dịch, và cả Hà Đồ, Lạc Thư<sup>14</sup>, cũng chơi cái trò bói toán, phỏng đoán vị lai.

Thế nhưng lại ghi Âm Dương bằng 0 và 1, và thay vì sắp xếp 6, như trong Kinh Dịch, thì sắp xếp 8<sup>15</sup>, và vì dốt chữ Hán, nên gọi là bytes; mỗi byte cho một quẻ; mỗi quẻ, khi thì gọi là tự mẫu, khi thì gọi là số, khi thì gọi là dấu,... Kết hợp tự mẫu với nhau thì được các từ-words. Kết hợp các từ với nhau thì được các cụm-từ, hoặc câu-văn. Có những qui định gọi là văn phạm hay ngữ pháp. Các từ, cụm-từ, câu-văn đáp ứng thỏa đáng những qui tắc ngữ pháp thì mới có nghĩa. Thế rồi, phát sinh những ngôn ngữ mới, không giống ai, danh xưng quái đản: Pascal, Cobolt, Algol, Fortran, Basic, Jawa, C, C++,...

Đó là các phần mềm của điện toán.

Muốn sử dụng phải có phần cứng, tức là những máy điện toán.

***Thế rồi tin học ra đời.***

Ngày nay, Google và Yahoo là những nguồn vô tận kiến thức; người ta hỏi nhau qua Facebook, Twitter,.. Hỏi bất cứ cái chi, và nhờ vậy mà **thông thường giao lưu trên địa bàn thế giới**. Quan hệ thầy trò—vấn đáp trình độ middle school, có thể đã qua ipad hay tablets, và từ nhiều năm nay, có người ở VN điện đàm với thân nhân ở Mỹ và thấy hình ảnh của

12



<sup>13</sup> 易. Từ Điển Hán Việt Trực tuyến. Internet

<sup>14</sup> Nhân tử Nguyễn Văn Thọ: “Trong các sách Dịch, bao giờ cũng có những hình mô tả Hà Đồ, Lạc Thư... Hà Đồ, và Lạc Thư đều bàn về lẽ sinh thành của vũ trụ quần sinh, đều chủ trương lẽ Thiên Địa vạn vật đồng nhất thể, và Nhất Thể tán vạn thù, Vạn thù qui Nhất Thể, đều chủ trương Vạn vật phát xuất từ một Tâm Điểm, phóng phát ra ngoài, rồi cuối cùng lại qui hướng về Tâm Điểm ấy.

<sup>15</sup> Trong thực tế hình như họ ghép chập 16, hai bytes (?)

nhau.

*Người nay, có những bước tiến vượt bậc, như một phép lạ, trong nhiều lãnh vực.*

**Người nay**, dùng điện toán, thu thập dữ liệu, xử lý dữ liệu, tính xác suất, và **căn cứ trên khả năng xảy ra của một sự kiện, và với ước lượng độ sai có thể chấp nhận được, mà hành sự.** Kinh tế, thương mại, xã hội, khoa học, tâm lý,..., đâu đâu cũng dùng thống kê và xác suất.

*Có thể nói: thế giới hôm nay là thế giới của thống kê và xác suất, cũng là thế giới của những ngẫu nhiên, và phiêu lưu có tính toán, tính toán đến một độ sai khả chấp.*

## **Hai: Nhất Nguyên**

*Nhị-nguyên cho quẻ Dịch, sinh điện toán. Dịch truyền đạt sự huyền diệu của những đổi thay phức tạp của duyên phận. Điện toán sinh ra khoa học của những ngẫu nhiên của đời sống. Xưa thì đoán mà không lường trước được, nay thì ước lượng được cái ngẫu nhiên có thể xảy ra với một độ chính xác--sai số--khả chấp.*

Dẫu vậy, **con người, giàu nghèo, sang hèn, mọi tầng lớp xã hội, đều như nhau: lăn trôi trong đổi thay, khổ và lạc.** Thế nên, **ai ai cũng mong một sự ổn định bền vững: an cư lạc nghiệp.** An cư, nhưng nếu buộc đổi thay thì cái mới phải an ổn hơn, bền vững hơn. Lạc nghiệp, ‘có vui, thì cuộc vui phải kéo dài mãi, mà như thế, thì nhàm chán, nên phải vui hơn, vui hơn mãi’<sup>16</sup>. Đó là thường tình.

Vậy nên, *khi có một thánh hiền, một tổ, một vị khai đạo, ca bài trường ca ‘đời là biển khổ’, rồi dạy “hãy theo ta”, ta chỉ cho con đường thoát khổ, một pháp môn chắc như bắp rang, lời của ta là “chân thật bất hư”, thì đông đảo vội vã nghe theo; chỉ vì nó đúng tâm nguyện từ lâu của mình, nên nó đúng quá. Thí dụ như cái logic sau đây:*

*“Khởi điểm của vũ trụ là Thái Cực, Thái cực sinh lưỡng nghi, và từ đó phát sinh cái chuỗi vô tận ‘sinh-tử tử-sinh, luân hồi sáu bể nẻo”, con người mới chìm đắm trong đục lạc, điên đảo, đảo điên. Khổ! Khổ sinh khổ! Khổ chồng thêm khổ! Không bao giờ dứt. Muốn nội tâm an lạc, hãy trở về Thái Cực, thì lưỡng cực mất, sinh tử luân hồi mất; tức nhiên, và tức thời “viễn ly điên đảo”<sup>17</sup>. Chỉ cần ‘quay đầu lại là thấy bờ’<sup>18</sup>--kiến tánh<sup>19</sup>, trực ngộ cái chân thật tuyệt đối là Thái Cực thì mọi việc được an vui.*

Thật logic. Rồi bỏ lưỡng cực, nguồn của điên đảo giòng đời, trở về cái trạng thái chỉ còn một cực, không nhân không quả, không khác biệt, không va chạm, không xung đột, thì tất phải là một trạng thái an lạc vĩnh hằng, bất biến. Lành thay! Đúng như ta hằng mong đợi; nhất là trong lúc ta đang thật tình trong điên đảo, mất hướng đi, trong tuyệt vọng.

*Nhưng nghĩ lại, đó chỉ là suy luận, theo một đường, một cách tuyến tính (linear), một trò chơi trí tuệ hay tâm linh mà con người thường dùng, để biện minh cho một con đường, một lời giải, một*

<sup>16</sup> Thích Viên Minh.

<sup>17</sup> Từ của Kinh Bã Nhã

<sup>18</sup> Hồi đầu thị ngạn,

<sup>19</sup> Trực ngộ chân tâm, kiến tánh thành Phật.

*lý giải tất yếu, tuyệt đối đúng, có khả năng giải quyết mọi mâu thuẫn, mọi xung đột...*

**Và như thế :**

**- hoặc để khai đạo, lập giáo, tổ chức giáo phái hay đảng phái, lấy giáo dân hay đảng viên làm công cụ cho quyền lực, và cho việc.. tiến thân, hoặc ‘đề’ viết trang sử oai hùng bằng máu và nước mắt của ....kẻ khác.**

**- hoặc vì nhẹ dạ, mất mình trong một lý tưởng, chủ nghĩa, một tổ chức tôn giáo, đảng phái..**  
**- hoặc hòa theo giòng người tín hữu để kinh doanh trực lợi.**

**Và còn nhiều động cơ khác nữa.**

*Cũng có người trung thực với hình ảnh mà mình có về Đạo, về chủ nghĩa, lý tưởng, “tu hành” rất mực, hay “dám hy sinh vì đại nghĩa”. Họ là bậc chân tu, tự mình thật thà chạy theo tham vọng—tham vọng thành đạo, đạt đạo, đạt “đỉnh cao trí tuệ”, hay ‘tử vì đạo’... Họ trung thành với logic của sự suy diễn và với vọng tưởng của mình. Bên họ, đông đảo xem việc tu hành là một phương cách kinh doanh, lấy thị hiếu quần chúng làm duyên, lấy lợi nhuận hay quyền lực làm cứu cánh. Một bên, thật thà theo ảo ảnh? Một bên, xem mình là thông minh, chí thú kinh doanh?*

Trong lịch sử loài người, phương Tây có những Thập Tự Chinh, Thánh Chiến; phương Đông, nhan nhản những ‘guồng’ “ ‘chết’ hoặc ‘khóc’ vì một hôn quân vô đạo”<sup>20</sup>. Hai thập kỷ gần đây, có những chủ nghĩa Phát Xít, Quốc Xã, Mác-xít-Lêninít, với những tên tuổi vĩ-đại **Franco, Mussoloni, Hitler, Stalin, Mao, Kim, Hồ**. Riêng nạn nhân của họ Sít<sup>21</sup> ước tính: 7 triệu; của họ Mao: từ 49 đến 78 triệu; riêng Bước Đại Nhảy Vọt 1958-1962 của họ Mao: 30 triệu người chết đói, chỉ lấy một vài số liệu, và ‘danh nhân’ trên Internet. Tất cả những tang thương, bi thảm, khốc hận thấu tận trời xanh ấy, cũng vì ‘ngàn ngàn cánh tay giơ lên’, ‘hồ hồ’, xung phong, làm củi đốt cho một Ngài Khai Đạo; thí dụ họ Sít, Đạo Xã Nghĩa.

\*\*\*

Nhất-nguyên, nhị-nguyên, thái-cực, âm-dương, quẻ dịch, điện toán, huyền học, khoa-học, xử lý dữ liệu, tính xác xuất của những ngẫu nhiên,.. là ngôn ngữ, vũ trụ quan và thành quả của con người. Thập tự chinh, thánh chiến, chiến tranh nói chung là những ấn tích trong lịch sử loài người. Torquémada, Stalin, Mao, Hít,...là những hung thần ...vĩ đại của một thời. Họ là ấn tượng của chết chóc, đói nghèo, đổ nát điêu tàn; họ cũng biểu hiện cảnh ‘người là con sói đối với đồng loại’. Bên họ, có những bậc thánh, Khổng, Mạnh, Lão, Trang, Đức Phật, Chúa Ky-Tô, Socrates, Plato, Aristotle, ...mà lời nói và việc làm gieo ánh sáng cho nhân loại.

***Thiện ác đều là người.***

Xưa trong các chùa, luôn có thờ Ông Thiện và Ông Ác. Hai Ông luôn đi chung nhau: hoặc sát cánh bên nhau trên một bàn thờ; hoặc ngay bên trong hoặc ngoài cổng chùa, Ông bên mặt, Ông bên trái. Ý như nhắc nhở rằng: trong mỗi chúng sanh, có Thiện, có Ác. Đó là tóm lược cái chất người, tiêu biểu trong những con người cụ thể, trong những bối cảnh lịch sử cụ thể của nhân loại.

<sup>20</sup> Theo một ý của Dương Chu. 430-380 trước Công Nguyên.

<sup>21</sup> Stalin

Dù ở thời của điện toán, của sự toàn cầu hóa ngôn ngữ, thông tin, kinh tế, thương mại,..., thế giới như thu hẹp, chúng ta chưa ra khỏi những tính đặc thù nêu trên. Với những nét sơ khởi chung chung ấy, thì cái nhìn hạn hẹp của người thầy giáo, và nói riêng cho người thầy giáo Việt Nam có thể như thế nào?

## Phần Hai

### NHÂN-BẢN THẦY-GIÁO

Ngày nay, thầy cô giáo, thọ lãnh cái di sản của người xưa, nghĩ về ‘nhân-bản’, thường hay “pha”. Pha là pha chế, pha trộn: pha trộn xưa với nay, pha trộn Đông với Tây. Nói riêng, pha thêm cái chất thầy-giáo.

Nhìn chung, thầy cô giáo nhìn **con người qua tuổi trẻ thơ dại, trong sáng và sinh động**. Thơ ngây, dại dột, vì chưa thực sự tiếp cận với những thử thách lớn nhỏ của cuộc sống, nên *chưa bị ô nhiễm bởi đúng sai, phải trái hay buồn vui hờn giận, của bụi đời*. Sinh là sống, đối nghĩa với chết. Sinh hàm ý ‘sinh sôi nảy nở’. Sinh cũng hàm ý là ‘chưa có kinh nghiệm’<sup>22</sup>, ẩn tàng trong người học sinh; chưa kinh nghiệm nên phải học. Động nói di chuyển, không đứng chết một chỗ, không bám trụ ở một nơi. Sinh động nói sức sống của tuổi trẻ đang lên, đang phát triển, đang hình thành, nảy nở, luôn trở nên giàu mạnh—giàu ở tiềm năng đóng góp, giàu ở trí tuệ, ở tính người, tình người, giàu trong tiến trình phát triển. Sinh động nói lên một hoài vọng ở tương lai. Cái tánh vốn thiện của thuở còn thơ dại, chẳng lợi ích gì cho ai, ngoài việc làm vui nhà vui cửa; phải học, trau dồi khả năng, tính tình, mới thành người. Đó là màu áo thầy-cô-giáo khoác lên cái nhân-bản sơ thảo bên trên. Cái màu ấy có thể tóm lược trong một số định đề, ghi sau đây, để luận bàn, xin ý, với lòng mong được học hỏi.

Đó là:

1. **Định đề tiên quyết:** Dạy là vì nó, cho nó, bởi nó<sup>23</sup>. Nó là đứa học trò. Không trò, làm gì có thầy. Vì nó mà có cái giống làm thầy.. *Nó là duyên và là cứu cánh của công việc làm thầy. Nội dung cái dạy là nhằm cho nó, phù hợp với lứa tuổi và khả năng của nó. Động cơ của cái dạy nằm trong cái học, trong cái lòng muốn học, ham học của nó. Tất tất đều do ở nó.* Xưa, ‘học thi phú văn chương’, thuộc lòng tứ thư, ngũ kinh, để làm quan, ‘phụ mẫu chi dân’. Giờ thì cái học, nhìn gần, thì có thể để làm ‘công chức’ hay ‘cán bộ’, hay ‘có công ăn việc làm’; mà nhìn xa và sâu thì học là để trang bị cho mình một cá tính, để mình thành ‘**một**

---

<sup>22</sup> Thiệu Chửu. Hán Việt Tự Điển. ‘Sống chưa chính gọi là sanh, làm việc không có kinh nghiệm gọi là sanh thủ [生手](#)’ Nguyễn Văn.

<sup>23</sup> Dương Thiệu Tống. Giáo sư, Ban Giáo Dục Đại Học Sư Phạm Sài Gòn.

người'<sup>24</sup>; nói riêng, một người có khả năng tích cực đóng góp cho lợi ích chung, một vốn quý của xã hội.

2. Hệ quả là:

**Không có việc: ‘Xưa bày nay làm’; ‘người ta sao thì mình cũng vậy.’**  
Xưa: Quân Chủ chuyên chế, vua là con Trời—Thiên Tử. Cái học tập trung vào mộ chữ ‘Trung’. Xưa, có người xướng: ‘Chế độ nào, giáo dục nấy, chế độ quân chủ, giáo dục quân chủ; chế độ dân chủ, giáo dục dân chủ.’<sup>25</sup> Theo cái logic này, ngày nay, ở các nước xã-nghĩa, giáo dục nhằm đào tạo con người xã-nghĩa, ‘học đường là máy chánh, thầy cô giáo là những kỹ sư tâm hồn và là cán bộ tuyên huấn của Đảng’<sup>26</sup>; và khi ‘người người nhất trí, nhà nhà nhất trí’, thì ta cũng nhất trí; người sao thì ta cũng vậy, an toàn nhắm mắt qua sông.

**Người thầy hẳn phải nói: ‘không’ với cách suy nghĩ này.** ‘Ngàn con số không cộng lại vẫn bằng không’<sup>27</sup>, không có lý do để mình là con số không thứ 1001, hay con cừ Panurge thứ 1001. Càng không có lý do để người-thầy đồng lõa trong việc sản xuất nô lệ. Xưa, ‘trung với vua’, được chết vì vua, thì được ‘sắc phong’ là ‘thần’, được thờ ở các đình miếu, danh thơm muôn thuở, **một cổ tục thời vua Văn, vua Võ bên Tàu, rất là Tàu.** Ngày nay, ngoại trừ một vài nơi như ở Cộng Hòa Xã Nghĩa Triều Tiên, ông Kim cha qua đời, khi ông Kim con chuẩn bị đăng quan, thì thần dân xã nghĩa phải khóc ông Kim cha, còn hơn mắt cha mắt mẹ. Ông Sít<sup>28</sup> mát, ông Tô<sup>29</sup> khóc Ông Sít:

*‘Thương cha thương mẹ, thương chồng,*

*Thương mình thương một thương ông thương mười.’*

Dạy học không là đơn thuần theo gót người xưa. **Cái di sản của tiền nhân phải được khai thác, mở rộng, đào sâu, sáng tạo, tạo một môi trường thích hợp cho sự phát triển, cho mình và cho mỗi thành viên của xã hội.** Không phải vì một số cuồng tín mà ta phải điên theo. Đừng để cổ tục thành ngục tù trí tuệ. Đừng để học đường trở thành công xưởng sản xuất nô lệ.

3. **Tiên đề 2: Dạy là khai phóng. Khai là mở, như trong khai thông, khai trí, khai phá, khai triển,.. Phóng là buông, thả như trong phóng tích, giải phóng, phóng sinh. Khai phóng là ‘mở rộng và buông thả’<sup>30</sup>. Khai phóng hàm ý một thái độ cởi mở, mở trí, mở**

<sup>24</sup> Một Người. Tựa của một quyển tiểu thuyết của Lê Văn Trương.

<sup>25</sup> Lycurgue. Nhà lập pháp Sparte. Thế kỷ thứ IX, trước Công Nguyên.

<sup>26</sup> Ít nhất là trong hai thập niên 1975-1995, ở Miền Nam được ‘giải phóng’.

<sup>27</sup> Giáo sư Trần Quang Đệ. Nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Sài Gòn.

<sup>28</sup> Joseph Stalin

<sup>29</sup> Tố Hữu

<sup>30</sup> Wikitionary. Internet.



*lòng mình, và buông bỏ vị kỷ, thành kiến, thoát khỏi các xiềng xích trí tuệ hay tâm linh, để rộng đón, tiếp cận và tìm hiểu cái mới.*

4. Đó là **biểu hiện của tinh thần khai phá, tiên phong, chịu khó, kiên trì, chấp nhận hiểm nguy**—**một hiểm nguy có tính toán, có ước lượng thiệt hơn, trong cuộc phiêu lưu Nam Tiến của cha ông ta.**
5. Đó cũng là **tinh thần buông xả, vô trụ của nhà Phật, để tránh cái nhìn lệch lạc, ít nhiều không chính xác của giác quan, của một tâm tư nhiều cảm xúc và định kiến.** *Xả là xả bỏ, không dính mắc, tức cảm nhận có dính mắc, cần xả bỏ. Vô trụ là không bám víu vào cái sẵn có, nói riêng không bám víu tiên kiến. Xả bỏ, vô trụ, để thấy, biết hiểu để tiếp thu cái mới, trong mức độ tối đa mà ta có được. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, là rời bỏ cái vị trí chủ quan để tiến đến một cái nhìn thật sự khách quan.*

### **Phần ba :**

## **DẠY HỌC LÀ KHÔNG NHỒI SỢ**

*Nhồi sợ là ‘ban pháp’: Thầy, ở trên, người nắm vững **kiến thức**, cái đúng, cái lẽ phải, cái tốt, cái chân thật bất hư, ban bố cho trò, ở dưới, còn thơ dại, chưa biết, còn dốt, phải tin, nghe, nhập tâm, và thi hành lời thầy dạy. ‘Nhồi sợ’ buộc người học tin mà không nghi. Nếu có vấn hỏi, thì sự vấn hỏi lắm khi là hình thức nhằm củng cố lòng tin ‘sắc đá’ của tự thân. ‘Nhồi sợ’ cũng buộc người học ‘**nuơng tựa, vâng lời, và phục tùng**’, nếu không tin hẳn ở người dạy, thì tin ở trí tuệ tập thể, ở tổ chức Đảng, ở tổ chức tôn giáo, hoặc rập khuôn theo người xưa: **Nghiêu, Thuần, Khổng, Lão,...**, đông đảo thánh hiền.*

Ban pháp là một từ mà có một thời, thường nghe ở các chùa. Quý sư sãi, thường được mời ‘**quang lâm và thí pháp hay ban pháp**’ cho tín đồ. ‘**Sự-quy-y**’ là ‘**nuơng tựa, vâng lời, và phục tùng**’ tam bảo mà người ban pháp là đại diện. *Sư sãi ban pháp, nhưng không ‘nhồi sợ’*: người tín đồ thường lớn tuổi, tự nguyện tìm đến quy y học đạo, tin ở lời sư giảng, tin mà không nghi. *Nếu có nghi vấn, và sư thấy có chút khó khăn, thì sư lấy một lời của Đức Phật, hoặc của một tổ—căn cứ theo kinh này, kinh khác, mà giải đáp. **Lời Đức Phật, của tổ ắt phải đúng thôi. Lấy lời của Phật, của tổ mà trám miệng người, là một thái độ... thiếu lương thiện, mà ít ai không vấp phải.*** Ngoài ra, Sư Sãi còn có cái áo vàng, chuông mõ, hương trầm, có được cái không khí cho người học buông xả thành kiến, buông xả những lo âu, phiền não hằng ngày, để chú tâm nghe pháp, và để pháp nhập tâm.

*Công việc của Sư tương tựa như ‘tẩy não’, nhưng không là tẩy não, theo cái nghĩa thông thường. **Người bị tẩy não bị bắt buộc, bị đe dọa, và luôn lo sợ,** còn tín đồ đến sư với lòng mong muốn, muốn được trang bị một tinh thần mới; thí dụ: tìm an tịnh thân tâm.*

“‘Tẩy não’-洗腦- bắt nguồn từ những trại cải tạo do Đảng Cộng Sản Trung Quốc thành lập năm 1949, sau nội chiến chấm dứt. Nó có nghĩa là cải tạo tư tưởng. Trong thực tế, **đó là một bạo hành tâm linh**, buộc người bị cải tạo phải từ bỏ mọi quan niệm, ý riêng của mình, để chỉ theo tiếng nói của Đảng.”<sup>31</sup> Tẩy não, cải tạo có bao hàm cái ý răn đe, dọa dẫm, hoặc đối xử người bị cải tạo như với một kẻ bất lương hay có mang trọng tội.

Người-thầy không làm công việc của người cán bộ coi tù cải tạo. *Công việc người thầy là trang bị cho trẻ những kiến thức cần thiết cho cuộc sống, giúp trẻ thấu hiểu quyền hạn và nghĩa vụ công dân, ý thức cấu trúc luật pháp, chánh quyền, kinh tế, thị trường, xã hội,.. cảm nhận những giới hạn của tự do và trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận, là trang bị cho nó các thói quen siêng năng, cần mẫn, kiên nhẫn, chịu khó, để học, hỏi, để chín chắn trong suy tư, trung thực trong luận bàn và hành sự.* Và nhờ vậy, nó có khả năng đối thoại được với môi trường, và **hội nhập** vào môi trường mà nó đang sống, nói riêng vào cái nếp sống văn hóa đương thời. Hội nhập là **vào trong, nhập cuộc**, có người có mình. *Hội nhập không có nghĩa: mình là của cải của xã hội, là nô lệ một tổ chức, hay là kết quả của một sự vong thân.*

Trong diễn trình học tập và hội nhập, nó tự tạo một cá tính đặc thù, **không ngừng hình thành, hiểu việc, hiểu đời, hiểu mình, hiểu người, một tiến trình hiểu biết.** Nó là nó. Nó không là cái ảnh của người-thầy, hay bất cứ của một ai, càng không là ảnh hay công cụ của một tổ chức. Nó không khép kín trong tự ti, không cứng nhắc, tự mãn trong một cái đúng tuyệt đối, để không hiểu bất cứ cái chi về tính người, tình người, để thành ‘trơ’, vô cảm trước những đổi thay của môi trường chung quanh.. **Nó là nó** trong những dị biệt với đồng loại, chấp nhận dị biệt để tìm hiểu, tương giao, học hỏi, và cảm thông. **Nó là nó** trong những bối cảnh thuận nghịch; thuận thì biết vui, biết sướng; nghịch là thử thách phải vượt qua, để trưởng thành, thế nên, không trốn chạy; mà lắm khi muốn tránh né cũng không được.

**Vậy, hội nhập không có nghĩa là rập khuôn, là bị hay chịu cho người nhồi sọ hay tẩy não.** Nhìn lại thời học đường VN Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, **không phải mọi việc đều hoàn hảo, trơn tru như đi trên thảm đỏ.** Thế nhưng, ở các trường sư phạm, các khóa tu nghiệp, trong các công văn, luôn có ẩn tàng hay trực tiếp, nêu lên cái ý: **tôn trọng con người trong mỗi đứa trẻ, tôn trọng cái con người mong manh đang hình thành trong đứa trẻ.**

Về chương trình dạy, trong cái tuổi mẫu giáo, tuổi của chuyện ‘Tám Cám’, Thạch Sanh Lý Thông, Bạch Viên Tôn Các..., người thầy có dùng huyền thoại, huyền thoại An Dương Vương, Phù Đổng Thiên Vương,... Nhưng, cũng ngay ở cái tuổi này, đã bắt đầu dạy vệ sinh thường thức<sup>32</sup>, vệ sinh cá nhân, nhất là ở thôn quê, chưa có nước máy, và trẻ con là mồi ngon cho các bệnh sốt rét, tiêu chảy, dịch tả, phong đòn gánh.... Sang tiểu học thì sớm xây dựng ngôn ngữ, nói và viết, quan sát, tả cảnh, thuật chuyện. Đến tuổi 13-15, tạm gọi là làm chủ được ngôn ngữ, thì

<sup>31</sup> Theo Wikipedia và Wikitionary.

<sup>32</sup> Một từ thông dụng thời bấy giờ và rộng nghĩa hơn là: Khoa học thường thức.

đến giai đoạn *khai tâm vào lý luận*: đúng sai, hay dở, đẹp xấu, qua những bài phân tích và bình luận văn chương hay nghĩ suy về luân lý, về một số ca dao tục ngữ. Vào Trung Học đệ nhị cấp là nghĩ đến chuẩn bị vào Đại Học, mà thầy trò có thể trao đổi với nhau, nói riêng trong các lãnh vực văn chương, luân lý, triết học.

Song song với việc rèn luyện trí tuệ và tính tình, là **cái học để trở thành một thành viên sản xuất—của cải vật chất hay dịch vụ. Cái cảm giác mình có lợi ích, mình có đóng góp, đem lại cho con người lòng tự tin, và là động cơ thúc đẩy con người tiến bước, tìm tòi, mở rộng, đào sâu và cứ như thế mãi mà học hỏi.**

Đó là chuyện xưa. Việt Nam Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa.

Ngày nay, ‘tất cả vì chủ nghĩa xã hội.’

Nói cách khác, dạy và học nhằm để vong thân trong một chủ nghĩa: xã nghĩa. Có lẽ vì vậy mà ‘xã nghĩa’ luôn là môn chánh. “Chánh” trong cả hai nghĩa: hệ số cao nhất, điều kiện tiên quyết cho việc đổ đạt và thành đạt.

Nghĩ cho cùng, ‘xã nghĩa’ là một đạo giáo, có Kinh Thánh<sup>33</sup>, có tổ chức giáo phẩm, có tòa án thẩm tra kẻ lạc giáo hay dị giáo, như thời Trung Cổ. Thật không ngoa khi gọi là Xích Giáo--赤教, Giáo Hội Đỏ; hoặc nói theo ngôn ngữ xã nghĩa là Sít-Giáo, tưởng nhớ đến ông Giáo Hoàng đầu tiên họ Sít, ở Thánh Địa Mát-xcơ-va, và theo ngôn ngữ của văn chương ‘phản động’: Đạo Sít—盜 Xít, cái tặc-đạo của họ Sít.

Thế nên, làm thầy cô giáo, thời xã nghĩa, khó lắm. Sống cơ cực, đồng lương eo hẹp, ngày càng eo hẹp. Mà ai ai chẳng như vậy! Nhưng có những thầy cô giáo còn phải uốn cong lương tri chức nghiệp, để làm một bộ phận, một mắc xích, cho cái máy đào tạo hàng loạt những rô-bô xã nghĩa, tung hô, nhất trí, ... *Nhượng bộ với hoàn cảnh, đồng lõa với ma vương, làm cây sậy của La Fontaine, nép theo sức gió: Khó! Thật quá khó! Nhưng vẫn không khó bằng sòng phẳng với chính mình.*

**Tiên đề 4: Dạy là truyền đạt kiến thức. Truyền đạt những giá trị. Kiến thức, giá trị là phương tiện, tạo duyên cho đối thoại, đối trao, cứu cánh nằm ở con người**

- Kiến thức phải cổ điển, phải có **những giá trị vững chắc mới được chọn và ghi trong chương trình và viết thành sách giáo khoa.** Kiến thức—cũ rích, trơ, chết, bất động, vô hồn trong sách vở, người-thầy lấy đó làm duyên cho những buổi gặp gỡ thầy trò, làm đề tài cho giờ học. Học thì có hỏi; hỏi chưa thấu đáo chưa thôi; phải suy tư, đem ra bàn luận, mà chưa thấu đáo vẫn chưa thôi, phải đưa thử nghiệm, .... Thế nên, kiến thức cũng là duyên cho thầy trò tôi luyện quan sát, nhận xét, phê phán, phân tích, tổng hợp, suy đoán, dự trù, làm dự án,... và thực

---

<sup>33</sup> Mácxítlêninít. Ở Trung Quốc, thời Mao Trạch Đông còn có quyển Kinh Đỏ.

thì; vì vậy mà cũng giúp cho sự tôi luyện tính kiên nhẫn, chịu khó, bền lòng, bền chí,... Cũng là duyên cho đôi trao thông tin, duyên cho thông cảm, giao lưu giữa thầy trò và giữa bạn bè trong lớp học. Duyên nào cũng có thuận, có nghịch. Nghịch duyên là thử thách. Thử thách cho việc tôi luyện trí, tính, và tình người, trước nghịch cảnh. Cho nên, không có cái học ‘bị học’, ‘được truyền giảng’ một chiều: thầy cô, bên trên—trên bục, ‘một bề kinh sử’ –‘độc quyền’ thí pháp cho cái đám tin đồ dốt nát cần được dẫn dắt ở phía dưới; không bị nhồi sọ, **mà là cái học năng động, cái học sống.**

*(Phải ghi nhận ở đây, cái phương cách truyền giảng rất thuận cho người dạy và người học, trong cái nghĩa là; cả hai bên đều yên ổn, người học không bị động, không bị hỏi, không phải động não để trả lời, và về phía người dạy, thì tất tất đều có trong sách vở, mọi việc đều gói gọn trong cái không có vấn đề, **không một sự rủi may rắc rối xảy ra.** Điều này thường được các thầy, cô ở cấp Đại Học áp dụng; ở Đại Học, người học được xem là có đủ khả năng tìm hiểu, tự vấn về mọi vấn đề khác biệt ở mọi lãnh vực, văn chương, triết học, khoa học,...)*  
-Nhu vậy, ‘truyền đạt’ là một cách nói thiếu may mắn. Dạy, trong bất cứ bối cảnh nào, không chỉ là một sự truyền đạt đơn thuần **kiến thức hay giá trị.**

**Nói đúng sai, phải trái, người-thầy ắt phải nêu rõ là trong bối cảnh nào, với những giả thiết nào, ở hệ thống tiên đề nào, qui về thang giá trị nào.** Có những cái xưa đúng mà nay sai; thí dụ: xưa ‘trung với vua’ và chết vì chữ ‘trung’, như Nhạc Phi thì ‘đúng quá đi thôi’; nay thì, ngoại trừ những người cuồng tín, không ai muốn chết hay làm nô lệ cho một ông lãnh đạo, hay vì một chữ ‘trung’—thí dụ: ‘Trung với Đảng’, hay trung thành với một chủ thuyết, một chủ nghĩa, hay tử vì đạo. Cái đúng ở Tây Phương có thể sai ở Đông Phương. Anh và Pháp cách nhau một eo biển nhỏ, The English Channel, mà ở Anh, xe chạy bên trái, ở Pháp xe chạy bên phải. Người thầy có thể ‘giảng’—đặt vấn đề nhất nguyên, nhị nguyên, tiên thiên, hậu thiên, chân lý,..., nhưng **không gói, không nhốt, không giam, không nô lệ hóa học trò mình hay tự thân mình trong cái huyền diệu nhất nguyên, hay trong chuyên chính nhị nguyên, hay bất cứ một chủ thuyết, một chủ nghĩa, hay một tổ chức, dù hoàn hảo tuyệt luân..** Theo đó, người thầy hành xử theo ‘duyên nghiệp’, gieo nhân, gặt quả, lấy quả làm nhân, quay cuồng trong luân hồi trăm ngã’. Có vui, có khổ. Có thành, có bại.

Thành đạt, người học có thể là đồ trạng nguyên, tiến sĩ, nhưng không vì đó chết ở bằng cấp, càng không chết ở miêng đỉnh chung, trong tranh đua quyền lực; **nói cách khác, không chết vì ham muốn hay vì tự mãn.** Thành đạt có thể là một khám phá lớn cho nhân loại, nhưng không vì đó mà nghĩ ngoi, mù người, mai một trong hào quang. Thành đạt phải là cơ duyên mở một con đường mới, một giai đoạn mới; cái mới, cái chưa biết nào cũng có những phiêu lưu, vừa hấp dẫn, vừa làm lòng người e ngại, e ngại những hiểm nguy, ngẫu nhiên xảy ra, không lường trước được, e ngại va chạm, e ngại gieo nghiệp, e ngại thất bại. Cái mới nào cũng có những vấn nạn, nan giải, và là thách đố, là cơ duyên tôi luyện tài năng

và tính tình. Thế nên, ‘không có cái gì thay thế được ‘sự cật lực làm việc’.’<sup>34</sup> Cô Pryianka Chopra, ca sĩ, minh tinh màn ảnh, ý thức sâu sắc điều này, khi Cô nói: ‘**Hãy khoác cái áo thành công như mặc T-Shirt, không như mặc tuxedo.**’

**Nói cách khác,**

**Học là thường xuyên, suốt giờ giấc.**

Thế giới học-và-dạy của các thầy và cô giáo, nhân-bản thầy-giáo, có thể là như thế đó. Nhìn ngoài, nó là cái Đạo, vì như mọi đạo giáo, nó có một rừng kinh điển, có lễ nghi, văn-tu-tu đầy đủ,...; **Đạo mà không là đạo vì không gói, nhốt, giam, hay nô lệ hóa con người vào một chủ nghĩa, chủ thuyết, pháp môn, một hệ thống giáo lý, giáo điều, một tổ chức đạo giáo; cũng không bỏ đời, tìm một sự an ổn cho tự thân. Người-thầy trọn vẹn với cuộc sống thế tục, chấp nhận nghiệp-báo; trong cái rừng kinh sách, mượn kiến thức làm duyên để mong và nhờ tuổi trẻ mở rộng và đào sâu, với hi vọng một tương lai phong phú. Đó là cái chất của giao lưu, của đối thoại, của hợp tác, của học hỏi, giữa những thế hệ, mà lớn nhỏ tôn trọng nhau, để cùng vun bón tình người, tính người. Có dính, có mắc; dính trong kiến thức, mắc trong lý tình, nhưng có buông, có xả. Buông xả, không nhằm để phiền não trôi đi, để tâm an, mà là để buông bỏ thành kiến, tiên kiến, định kiến, để thấy, hiểu, cảm thông, hiểu mình, hiểu người, hiểu vấn đề, hiểu quan hệ, và như vậy, thầy và trò luôn trọn vẹn trong những bun xun, lãn xăn, phức tạp, thuận nghịch của duyên phận, tiến bước trong một cuộc sống thật là người. Buông xả để trưởng thành.**

**Đó là nhân bản thầy giáo.**

Thay lời kết:

Công việc thầy cô giáo là một công việc đồng đội: theo chiều ngang, văn chương, luân lý, sử, địaa, vạn vật, lý hóa, toán, kinh tế gia đình, nhạc, hội họa,..đều nhằm một cứu cánh: giúp giới trẻ xây dựng trí tuệ, tính tình, một cá tính cho tự thân. Và cũng là một công việc đồng đội theo chiều dọc, thầy cô giáo lớp học năm trước nghĩ đến người dạy năm sau. Ngang hay dọc đều cùng nhằm giúp giới trẻ xây dựng diễn trình những cái ‘**Tôi**’ luôn hình thành và khác biệt. Trên thực tế, thầy cô giáo dạy kiến thức, **buộc** phải dạy những kiến thức ghi rõ trong chương trình, và viết thành bài bản trong nhiều sách giáo khoa. Thế nhưng , kiến thức, với người dạy chỉ là phương tiện, và với người học, còn có thể là phương tiện tiến thân, có được một cái nghề, để cống hiến, đóng góp tích cực cho sự giàu mạnh chung. **Cứu cánh vẫn là con người, con người đang hình thành trong mỗi đứa học sinh.**

---

<sup>34</sup> Time Magazine. May 2-May 9, 2016. P.26

Nhắc lại điều này, để nhấn mạnh: *Làm thầy không lúc nào có nghĩa là nhồi sọ, là tẩy não, là biến trẻ thơ thành những con rối, làm nô lệ cho quan trên tùy tiện sai bảo, hay mê ngữ trong một chân lý, mà ‘sông có cạn, núi có mòn, chẳng bao giờ thay đổi’*

Người thầy nhìn công việc của mình như là ‘nhuộm mây, nẩy trắng’<sup>35</sup>, vẽ mây vì trắng. Dạy kiến thức, lấy kiến thức làm phương tiện, để giúp trẻ trưởng thành, để nó thành **người, một người** hiểu biết cộng đồng và môi trường mình đang sống. Nhưng cũng nhìn nhận rằng lắm khi phải chịu nhân nhượng với thị hiếu quần chúng, chạy theo bán chữ, bán kiến thức, dạy cho thi cử, cấp bằng, học vị.

Trong cái thói quen cố hữu nói trắng thì phải thêu đen, để trắng thêm trắng, chúng tôi có sử dụng ngôn ngữ đạo giáo, chân lý tuyệt đối, ‘chân thật bất hư’, dính mắc và xả bỏ, trụ và vô trụ,..., chẳng qua là chúng tôi muốn dùng mây vẽ trắng, để làm sáng cái *nhân-bản thầy-giáo*.. Mọi ý tưởng châm biếm, xoi bói, chỉ trích đều ngoài ý muốn của chúng tôi.

Chúng tôi chân thành cảm ơn

-Nhà văn Trần Bang Thạch, đã đọc, góp ý, và giúp chúng tôi chỉnh đốn cấu trúc của bài cho dễ đọc hơn.

- Ông đồ nhà Đỗ Chiêu Đức đã xem lại việc sử dụng Hán Văn của chúng tôi.

Houston, Texas November 23, 2016

**Nguyễn Văn Trường**

**Cựu Tổng Trưởng Giáo Dục VNCH**

---

<sup>35</sup> Mái Tây. Bản Dịch Nhượng Tống. Lời bình của Kim Thánh Thán.